

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ**

Số: **36P** /CBTT-PTSCĐV  
V/v: Công bố thông tin BCTC  
bán niên năm 2016 đã được soát xét.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày **10** tháng **08** năm 2016

*Kính gửi:*

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý Cổ đông

1. Tên Công ty : Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
2. Mã chứng khoán : **PSP**
3. Trụ sở chính : KCN Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An, Hải Phòng
4. Điện thoại : 0313 979710 Fax: 0313 979712
5. Người công bố thông tin : Đặng Kiến Nghiệp

6. Nội dung công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2016 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ được lập ngày 05/08/2016 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả Kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- Giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên tại Báo cáo tài chính bán niên năm 2016 đã được soát xét.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.ptscdinhvu.com.vn](http://www.ptscdinhvu.com.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Trân trọng!**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban GD (để b/c);
- Website: [www.ptscdinhvu.com.vn](http://www.ptscdinhvu.com.vn);
- Lưu: VT, TK, HĐQT.

**TUQ. GIÁM ĐỐC**  
Người công bố thông tin



**Đặng Kiến Nghiệp**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ  
VIỆT NAM  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Số: 567/PTSCĐV-TCKT

V/v: giải trình ý kiến ngoại trừ của  
kiểm toán viên tại BCTC bán niên  
năm 2016 đã được soát xét.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Điều 11 của Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc “ Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”.

Ngày 05/08/2016, Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ đã phát hành Báo cáo tài chính bán niên năm 2016 đã được soát xét. Theo đó, trong Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính số: 174/VN1A-HN-BC ngày 05/08/2016 do Công ty TNHH Deloitte Việt Nam phát hành có 01 ý kiến ngoại trừ trong qua trình soát xét. Cụ thể: “Nhu cầu trình bày tại Thuyết minh số 6, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác đã quá hạn thanh toán. Chúng tôi không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định khả năng thu hồi và giá trị cần trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi liên quan các khoản nợ phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không?”


Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ xin giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên trên Báo cáo tài chính bán niên năm 2016 đã được soát xét như sau:

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm số dư phải thu từ một số khách hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm theo điều khoản hợp đồng với tổng số tiền khoảng 32,4 tỷ VNĐ. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng các khoản phải thu này không có rủi ro về nợ xấu, Công ty có thể thu hồi trong tương lai gần nên không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Chúng tôi cam kết về các nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng báo cáo!

**Nơi nhận:**

- Như trên; 
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Website: [www.ptscdinhvuu.com.vn](http://www.ptscdinhvuu.com.vn);
- Lưu: VT, TCKT-LQP.02



*Nguyễn Hải Bằng*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ  
ĐÌNH VŨ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA  
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 33



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hữu An	Chủ tịch
Ông Cáp Trọng Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Tiên Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Bằng	Thành viên
Ông Đỗ Huy Thế	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Bằng	Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Phách	Phó Giám đốc
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Giám đốc
Ông Vũ Văn Hùng	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chịu trách nhiệm và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 05 tháng 8 năm 2016

1125  
ÔNG  
NHIỆM  
LOI  
ỆT N  
ĐA - T

Số: 174/VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 8 năm 2016, từ trang 04 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ*

Như trình bày tại Thuyết minh số 6, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác đã quá hạn thanh toán. Chúng tôi không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định khả năng thu hồi và giá trị cần trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi liên quan các khoản nợ phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### ***Kết luận ngoại trừ***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi lưu ý đến người đọc tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty xác định và ghi nhận khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải) trên cơ sở báo cáo tài chính chưa được soát xét hoặc kiểm toán của Công ty này cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Ban Giám đốc đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng giá trị dự phòng đã được xác định thận trọng. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn này.

Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Phạm Hoài Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0042-2013-001-1

***Thay mặt và đại diện cho***

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 05 tháng 8 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ**

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MÃ SỐ B 01a-DN**

Đơn vị: VND

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>168.750.934.078</b>	<b>190.572.984.831</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>39.489.727.658</b>	<b>60.116.784.072</b>
1. Tiền	111		12.489.727.658	15.116.784.072
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.000.000.000	45.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>109.942.066.755</b>	<b>111.395.291.160</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	65.688.262.118	63.616.538.032
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	26.292.657.098	29.636.295.098
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	17.961.147.539	18.142.458.030
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>16.373.766.454</b>	<b>16.970.497.609</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	16.373.766.454	16.970.497.609
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.945.373.211</b>	<b>2.090.411.990</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.945.373.211	2.090.411.990
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>520.862.124.199</b>	<b>518.499.460.515</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>362.097.867.167</b>	<b>362.180.834.510</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	361.817.311.621	362.129.113.671
- Nguyên giá	222		492.904.032.776	480.627.994.941
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.086.721.155)	(118.498.881.270)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	280.555.546	51.720.839
- Nguyên giá	228		737.550.000	437.550.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(456.994.454)	(385.829.161)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.648.663.746</b>	<b>3.824.441.500</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.648.663.746	3.824.441.500
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>30.170.881.338</b>	<b>31.161.415.939</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		37.500.000.000	37.500.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.329.118.662)	(6.338.584.061)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>122.944.711.948</b>	<b>121.332.768.566</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	122.944.711.948	121.332.768.566
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>689.613.058.277</b>	<b>709.072.445.346</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ**

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 01a-DN**

Đơn vị: VND

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>253.712.233.594</b>	<b>261.007.968.104</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>125.480.917.519</b>	<b>119.293.746.977</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		33.467.009.215	45.874.211.340
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		140.681.451	170.180.438
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	909.726.285	494.577.826
4. Phải trả người lao động	314		8.591.915.618	24.846.392.654
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	5.041.523.366	1.571.822.958
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		33.172.863.462	7.242.458.741
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	16	40.530.510.104	38.386.510.104
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.626.688.018	707.592.916
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>128.231.316.075</b>	<b>141.714.221.127</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		38.000.000	38.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	338	16	128.193.316.075	141.676.221.127
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>435.900.824.683</b>	<b>448.064.477.242</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>435.900.824.683</b>	<b>448.064.477.242</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	(140.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.155.240.391	5.086.206.617
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.745.584.292	43.118.270.625
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.980.203.077	9.324.712.132
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.765.381.215	33.793.558.493
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>689.613.058.277</b>	<b>709.072.445.346</b>



**Luong Quốc Phương**  
Người lập biểu

Ngày 05 tháng 8 năm 2016



**Đặng Kiến Nghiệp**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hải Bằng**  
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ**

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 02a-DN**

Đơn vị: VND

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
<b>1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>19</b>	<b>88.215.583.000</b>	<b>99.139.675.582</b>
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	58.322.580.092	61.682.516.093
<b>3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>29.893.002.908</b>	<b>37.457.159.489</b>
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.160.772.231	2.451.793.786
5. Chi phí tài chính	22	22	8.017.971.710	11.233.275.431
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.015.683.034	7.209.431.014
6. Chi phí bán hàng	25		2.009.793.743	2.787.310.889
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	7.553.365.306	8.032.067.383
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>13.472.644.380</b>	<b>17.856.299.572</b>
9. Thu nhập khác	31		216.748.644	215.106.567
10. Chi phí khác	32		238.088.413	178.320.000
<b>11. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(21.339.769)</b>	<b>36.786.567</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>13.451.304.611</b>	<b>17.893.086.139</b>
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	685.923.396	605.510.982
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>12.765.381.215</b>	<b>17.287.575.157</b>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	271	369



**Lương Quốc Phương**  
Người lập biểu

Ngày 05 tháng 8 năm 2016



**Đặng Kiên Nghiệp**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hải Bằng**  
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ**

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 03a-DN**

Đơn vị: VND

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>13.451.304.611</i>	<i>17.893.086.139</i>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	14.104.275.125	11.316.654.142
Các khoản dự phòng	03	990.534.601	851.599.983
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	595.805	(891.248.622)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.338.027.911)	(1.608.691.885)
Chi phí lãi vay	06	7.015.683.034	7.209.431.014
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>34.224.365.265</i>	<i>34.770.830.771</i>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.931.838.595)	52.472.125.049
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	596.731.155	(3.677.006.109)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(18.467.530.750)	(5.711.212.829)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(2.466.904.603)	658.806.857
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.270.775.328)	(8.960.313.800)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(850.409.947)	(262.401.211)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.061.489.000)	(1.343.670.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(227.851.803)</b>	<b>67.948.158.728</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.577.511.717)	(59.797.557.215)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	201.159.545	140.000.000
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.151.393.366	1.567.373.603
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(11.224.958.806)</b>	<b>(58.090.183.612)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.854.350.000	7.854.350.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(17.028.000.000)	(15.406.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(9.173.650.000)</b>	<b>(7.551.650.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(20.626.460.609)</b>	<b>2.306.325.116</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ**

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An  
 Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 03a-DN**

Đơn vị: VND

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	60.116.784.072	58.328.188.847
Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(595.805)	(173.232)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	39.489.727.658	60.634.340.731



Lương Quốc Phương  
 Người lập biểu

Ngày 05 tháng 8 năm 2016



Đặng Kiến Nghiệp  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Bằng  
 Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ**

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 40 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000007 ngày 09 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Hải Phòng cấp; Giấy phép kinh doanh số 0204000112 ngày 02 tháng 01 năm 2009, Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0200754420 (đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 24 tháng 3 năm 2015) do Sở kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết UPCoM với mã cổ phiếu là PSP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 244 người (31 tháng 12 năm 2015: 243 người).

**Ngành nghề kinh doanh**

Cảng biển, dịch vụ dầu khí, vận tải, xăng dầu, khí hóa lỏng, khách sạn và một số lĩnh vực khác.

**Hoạt động chính**

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, vận tải đường thủy, kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: kinh doanh cảng biển;
- Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội);
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cho thuê xe máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: cầu, tàu lai dắt, xe nâng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác kinh doanh khác còn lại: vận hành, khai thác cụm cảng Container và các dịch vụ căn cứ hậu cần phục vụ hoạt động dầu khí;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên: dịch vụ hỗ trợ sinh hoạt dầu khí;
- Bán buôn chuyên doanh khác: hàng kim khí, điện máy dân dụng và công nghiệp;
- Khách sạn;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa thiết bị khác: bảo dưỡng, sửa chữa, hoán cải các phương tiện nổi;
- Bán buôn phân bón sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh: khí hóa lỏng, xăng, dầu;
- Thu gom rác thải...

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### **Công cụ tài chính**

###### ***Ghi nhận ban đầu***

###### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác, và các khoản đầu tư dài hạn khác.

###### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, các khoản chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản vay và nợ và công nợ tài chính khác.

###### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư tài chính được thực hiện dưới hình thức góp vốn, được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị tài sản huân của bên nhận góp vốn tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, các khoản phải thu thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá chênh lệch tỷ giá theo tỷ giá mua ngoại tệ do Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank) công bố. Các ngoại tệ mà Vietcombank không công bố thì thực hiện quy đổi chéo sang đồng ngoại tệ mà Vietcombank công bố.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2016</u> <u>đến ngày 30/6/2016</u>
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm vi tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm vi tính là 3 năm.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là những khoản chi phí thực tế đã phát sinh có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, chưa được tính hết vào chi phí trong kỳ mà được phân bổ dần vào các kỳ kế toán tiếp theo.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: phân bổ theo phương pháp đường thẳng.





#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

##### **Chi phí trả trước (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước tiền thuê 138.269 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Đình Vũ - Hải Phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Cầu Cảng phục vụ Khu công nghiệp Đình Vũ và Dịch vụ Dầu Khí tổng hợp, thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Chi phí thuê đất được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 466 tháng kể từ ngày bắt đầu sử dụng đất đến hết thời gian thuê.

Quyền sử dụng đất tại lô CN2.1A, khu Công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với số tiền 3.392.190.000 VND do Công ty Cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn Gia súc (Proconco) góp theo thỏa thuận giữa hai công ty theo Nghị quyết số 58/NQ-PTSCĐV-HĐQT ngày 04 tháng 10 năm 2011. Chi phí thuê đất được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 418 tháng kể từ ngày bắt đầu sử dụng đến hết thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành có liên quan.

##### **Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và một vài yếu tố khác theo yêu cầu quản trị của Công ty tại từng thời điểm. Căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là nợ dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, Công ty sẽ tiến hành ghi nhận một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại.

##### **Vay và chi phí đi vay**

Các khoản vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại vay nợ. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì được theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và thực hiện việc ghi nhận, đánh giá chênh lệch tỷ giá theo quy định.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### **Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hạch toán để đảm bảo khi các khoản chi phải trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh ở các kỳ tiếp theo. Việc ghi nhận chi phí phải trả phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

##### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu là phần tài sản thuần của Công ty còn lại thuộc sở hữu của các cổ đông.

Vốn góp được ghi nhận theo số thực góp, không ghi nhận theo số cam kết sẽ góp của các chủ sở hữu, không ghi nhận theo vốn điều lệ ghi trên giấy phép đăng ký kinh doanh. Vốn góp cổ phần của các cổ đông được phản ánh theo hai chỉ tiêu riêng là Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần. Vốn góp của chủ sở hữu là các cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết. Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá).

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản phi tiền tệ thì phải ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại ngày góp vốn. Trong trường hợp góp vốn bằng tài sản, thì vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với các tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án... chỉ được ghi tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Việc sử dụng vốn đầu tư của chủ sở hữu, chênh lệch đánh giá lại tài sản, quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ kinh doanh được thực hiện theo quyết định của chủ sở hữu, Công ty phải thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi doanh nghiệp có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Mọi trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối về bản chất đều là giảm vốn góp, doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật và điều chỉnh giấy phép đăng ký kinh doanh.

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

##### Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Giá vốn được ghi nhận phải dựa trên cơ sở phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ.

##### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

##### Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm đầu kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 22% trong những năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn giảm thuế được tính từ năm thứ tư. Đây là năm thứ hai công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất 10% và ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	176.381.603	579.141.350
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.313.346.055	14.537.642.722
Các khoản tương đương tiền (i)	27.000.000.000	45.000.000.000
	<u>39.489.727.658</u>	<u>60.116.784.072</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Tỷ lệ	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
		VND	VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>			
Chi nhánh Công ty Cổ phần Container VN-XN Cảng Viconship	16%	10.403.809.984	15.850.750.680
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (Thuê mặt bằng đặt cây ATM)	0%	4.234.366	3.515.300
<b>Phải thu các đối tượng khác</b>			
Công ty Cổ phần Hàng hải VSICO	17%	11.264.902.201	8.792.106.192
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí-DA: HD chia SPDK các Lô 102/10&106/10	28%	18.598.636.786	18.252.322.314
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 103-107)	21%	13.589.348.213	13.321.330.463
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí - Xí nghiệp Điều hành Khoan	13%	8.589.039.830	5.506.496.624
Các khách hàng khác	5%	3.238.290.738	1.890.016.459
		<b><u>65.688.262.118</u></b>	<b><u>63.616.538.032</u></b>

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm số dư phải thu từ một số khách hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm theo điều khoản hợp đồng với tổng số tiền khoảng 32,4 tỷ VND. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng các khoản phải thu này không có rủi ro về nợ xấu, Công ty có thể thu hồi trong tương lai gần nên không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ (i)	14.101.024.551	14.101.024.551
Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình thủy - Cienco1 (ii)	9.827.883.047	9.827.883.047
Nhà cung cấp khác	2.363.749.500	5.707.387.500
	<b><u>26.292.657.098</u></b>	<b><u>29.636.295.098</u></b>

(i) Công ty trả trước cho Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ theo Hợp đồng số DVIZJSC.037.2011.MKG.LLC được ký ngày 27 tháng 12 năm 2011 về việc thuê khu đất rộng 12.106 mét vuông trong khu đất CN2.1B. Hiện tại, khu đất đang trong giai đoạn hoàn thiện mặt bằng để tiến hành bàn giao cho Công ty.

(ii) Công ty trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Công trình thủy - Cienco1 theo Hợp đồng số 20/2014-HD/PTSCDV/TC được ký ngày 18 tháng 02 năm 2014 về việc thực hiện gói thầu XL2, hạng mục thuộc công trình mở rộng cảng Đình Vũ. Hiện công trình đang chờ các cơ quan chức năng phê duyệt.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Cầm cố, ký quỹ	15.000.000.000	15.000.000.000
Phải thu khác	2.961.147.539	3.142.458.030
	<u>17.961.147.539</u>	<u>18.142.458.030</u>

Cầm cố, ký quỹ phản ánh khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng để mở L/C thanh toán tiền nhập khẩu thiết bị. Số tiền ký quỹ tại ngân hàng sẽ được tất toán trong năm 2016 khi Công ty nhận bàn giao thiết bị từ nhà cung cấp.

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	829.577.075	-	990.613.568	-
Công cụ, dụng cụ	15.544.189.379	-	15.979.884.041	-
	<u>16.373.766.454</u>	-	<u>16.970.497.609</u>	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.951.341.421	821.829.611
- Các khoản khác	994.031.790	1.268.582.379
	<u>2.945.373.211</u>	<u>2.090.411.990</u>
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Giá trị quyền sử dụng đất thuê tại KCN Đình Vũ	115.832.566.121	117.710.932.061
Giá trị quyền sử dụng đất Khu đất 50x50	3.002.656.224	3.051.347.946
Khác	4.109.489.603	570.488.559
	<u>122.944.711.948</u>	<u>121.332.768.566</u>

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	234.113.467.608	191.561.912.934	54.171.168.370	781.446.029	480.627.994.941
Mua trong năm	-	-	10.200.454.545	640.002.000	10.840.456.545
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.945.900.909	-	-	-	2.945.900.909
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.510.319.619)	-	(1.510.319.619)
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>237.059.368.517</b>	<b>191.561.912.934</b>	<b>62.861.303.296</b>	<b>1.421.448.029</b>	<b>492.904.032.776</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	62.937.957.047	32.090.217.866	22.895.019.914	575.686.443	118.498.881.270
Khấu hao trong kỳ	5.344.315.218	5.266.047.228	3.347.811.246	139.985.812	14.098.159.504
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.510.319.619)	-	(1.510.319.619)
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>68.282.272.265</b>	<b>37.356.265.094</b>	<b>24.732.511.541</b>	<b>715.672.255</b>	<b>131.086.721.155</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2016	168.777.096.252	154.205.647.840	38.128.791.755	705.775.774	361.817.311.621
Tại ngày 31/12/2015	171.175.510.561	159.471.695.068	31.276.148.456	205.759.586	362.129.113.671

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 809.532.607 VND (31 tháng 12 năm 2015: 1.543.174.407 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 - “Vay và nợ thuê tài chính”, Công ty đã thế chấp giá trị nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải nằm trong giá trị đầu tư của dự án với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 227.622.411.700 VND (31 tháng 12 năm 2015: 226.299.076.867 VND) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng.



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2016	437.550.000	437.550.000
Mua trong kỳ	300.000.000	300.000.000
Tại ngày 30/6/2016	<b>737.550.000</b>	<b>737.550.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2016	385.829.161	385.829.161
Khấu hao trong kỳ	71.165.293	71.165.293
Tại ngày 30/6/2016	<b>456.994.454</b>	<b>456.994.454</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 30/6/2016	<b>280.555.546</b>	<b>280.555.546</b>
Tại ngày 31/12/2015	<b>51.720.839</b>	<b>51.720.839</b>

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Đầu tư dài hạn khác (i)	37.500.000.000	37.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (ii)	(7.329.118.662)	(6.338.584.061)
	<b>30.170.881.338</b>	<b>31.161.415.939</b>

(i) Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải) trong năm 2010 bằng tiền mặt, tài sản gắn liền với đất thuê, lợi thế quyền thuê đất tại số 441 (số cũ 427) đường Đà Nẵng, phường Đông Hải I, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với tổng giá trị đầu tư là 37.500.000.000 VND.

(ii) Công ty xác định và ghi nhận khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải) trên cơ sở báo cáo tài chính chưa được soát xét hoặc kiểm toán của Công ty này cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình hoạt động, các kế hoạch và báo cáo tài chính giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015 của PVC Duyên Hải, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc lập dự phòng của Công ty là phù hợp với quy định hiện hành và đảm bảo tính thận trọng.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2016
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	58.684.411	2.806.732.498	2.180.320.805	685.096.104
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	353.697.742	685.923.396	850.409.947	189.211.191
3. Thuế thu nhập cá nhân	82.195.673	575.081.734	621.858.417	35.418.990
4. Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>494.577.826</b>	<b>4.070.737.628</b>	<b>3.655.589.169</b>	<b>909.726.285</b>

Đơn vị: VND



**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>30/6/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả	1.145.153.212	1.234.990.454
Trích trước chi phí lương	1.034.097.878	-
Trích trước chi phí duy tu, nạo vét trước bến cầu tàu PTSC Đình Vũ	2.500.000.002	-
Chi phí phải trả khác	362.272.274	336.832.504
	<b>5.041.523.366</b>	<b>1.571.822.958</b>

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	<b>30/6/2016</b>		<b>Trong kỳ</b>		<b>31/12/2015</b>	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng	Giảm	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
<b>Vay dài hạn</b>	<b>149.958.282.431</b>	<b>149.958.282.431</b>	<b>7.854.350.000</b>	<b>17.028.000.000</b>	<b>159.131.932.431</b>	<b>159.131.932.431</b>
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	148.884.282.431	148.884.282.431	7.854.350.000	16.122.000.000	157.151.932.431	157.151.932.431
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	1.074.000.000	1.074.000.000	-	906.000.000	1.980.000.000	1.980.000.000
<b>Nợ dài hạn khác</b>	<b>18.765.543.748</b>	<b>18.765.543.748</b>	<b>-</b>	<b>2.165.255.052</b>	<b>20.930.798.800</b>	<b>20.930.798.800</b>
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (iii)	18.765.543.748	18.765.543.748	-	2.165.255.052	20.930.798.800	20.930.798.800
	<b>168.723.826.179</b>	<b>168.723.826.179</b>	<b>7.854.350.000</b>	<b>19.193.255.052</b>	<b>180.062.731.231</b>	<b>180.062.731.231</b>
<b>Trong đó:</b>						
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>40.530.510.104</b>	<b>40.530.510.104</b>			<b>38.386.510.104</b>	<b>38.386.510.104</b>
Vay dài hạn đến hạn trả	36.200.000.000	36.200.000.000			34.056.000.000	34.056.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	35.126.000.000	35.126.000.000			32.244.000.000	32.244.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng	1.074.000.000	1.074.000.000			1.812.000.000	1.812.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.330.510.104	4.330.510.104			4.330.510.104	4.330.510.104
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	4.330.510.104	4.330.510.104			4.330.510.104	4.330.510.104
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>128.193.316.075</b>	<b>128.193.316.075</b>			<b>141.676.221.127</b>	<b>141.676.221.127</b>
Vay dài hạn	113.758.282.431	113.758.282.431			125.075.932.431	125.075.932.431
Nợ dài hạn	14.435.033.644	14.435.033.644			16.600.288.696	16.600.288.696

(i) Ba khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank) - Chi nhánh Hải Phòng (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng) như sau:

- Hợp đồng vay số 19/TT-DH/PVFCHP08/01 có tổng giá trị khoản vay có thể đạt đến 266.737.093.000 VND, thời hạn cho vay là 12 năm, ân hạn nợ gốc 3 năm, ân hạn nợ lãi 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và với mục đích vay đầu tư xây dựng nhà xưởng, cầu cảng, kho bãi và mua sắm thiết bị cho Dự án “Đầu tư xây dựng Cầu Cảng phục vụ Khu công nghiệp Đình Vũ và Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp”. Lãi suất cho vay được xác định bằng trung bình lãi tiền gửi tiết kiệm khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ của Bên cho vay và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng (+) Margin 2,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải nằm trong giá trị đầu tư của dự án. Theo Hợp đồng vay và Phụ lục hợp đồng tín dụng số PL08-19/TT-DH/PVFCHP08 ngày 26 tháng 8 năm 2014, Công ty sẽ trả 29,5 tỷ VND trong năm 2015, và 30 tỷ VND từ năm 2016 đến năm 2019. Số tiền vay còn lại sẽ được thanh toán hết trong năm 2020.

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- Hợp đồng vay số 318/2015/HĐTD/PVB-CNHP có tổng giá trị khoản vay có thể đạt đến 9.100.000.000 VND, thời hạn cho vay là 4 năm, ân hạn nợ gốc 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với mục đích để đầu tư mua xe nâng 45 tấn mới 100%. Lãi suất cho vay áp dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của bên Ngân hàng và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng (+) margin 2,5%/năm nhưng không vượt quá 9,25%/năm. Sau thời gian 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận giữa bên Ngân hàng và Công ty, điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
  - Hợp đồng vay số 1363A/2015/HĐTD/PVB-CNHP có tổng giá trị khoản vay có thể đạt đến 7.854.350.000 VND, thời hạn cho vay là 3 năm, ân hạn nợ gốc 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với mục đích để đầu tư mua xe nâng 45 tấn mới 100%. Lãi suất cho vay áp dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của bên Ngân hàng và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng (+) margin 2,5%/năm. Sau thời gian 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận giữa bên Ngân hàng và Công ty, điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- (ii) Phản ánh khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số 84/TDH/2013/360 ngày 18 tháng 12 năm 2013 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - chi nhánh Hải Phòng với số tiền 5.000.000.000 VND để mua 01 xe nâng Reachstacker đã qua sử dụng. Lãi suất được xác định 3 tháng/lần bằng bình quân lãi suất tiết kiệm thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của 03 tổ chức tín dụng là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cộng (+) 3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- (iii) Phản ánh khoản lãi vay phải trả PVcomBank - Chi nhánh Hải Phòng trong thời gian ân hạn theo Phụ lục hợp đồng tín dụng số 6A/PVFHP-PTSC-LAH ngày 27 tháng 9 năm 2011. Theo đó, toàn bộ lãi vay phát sinh trong thời gian ân hạn của Hợp đồng tín dụng số 19/TT-DH/PVFCHP08 ngày 13 tháng 5 năm 2008 được trả trong vòng 6 năm, mỗi năm 3.513.390.720 VND kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2014. Ngoài ra, khoản chi phí lãi vay phát sinh trong thời gian ân hạn mà Công ty trả sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 sẽ không được thực hiện hỗ trợ lãi suất, theo đó phần lãi vay này sẽ được trả hàng tháng trong vòng 5 năm, mỗi năm 817.119.384 VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	36.200.000.000	34.056.000.000
Trong năm thứ hai	35.388.000.000	32.412.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	78.370.282.431	92.663.932.431
Sau năm năm	-	-
	<b>149.958.282.431</b>	<b>159.131.932.431</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	36.200.000.000	34.056.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>113.758.282.431</b>	<b>125.075.932.431</b>

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.330.510.104	4.330.510.104
Trong năm thứ hai	4.330.510.104	4.330.510.104
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	10.104.523.540	12.269.778.592
Sau năm năm	-	-
	<b>18.765.543.748</b>	<b>20.930.798.800</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	4.330.510.104	4.330.510.104
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>14.435.033.644</b>	<b>16.600.288.696</b>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế/Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>					
Số dư tại ngày 01/01/2015	400.000.000.000	(140.000.000)	-	16.954.022.058	416.814.022.058
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	17.287.575.157	17.287.575.157
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.086.206.617	(5.086.206.617)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.543.103.309)	(2.543.103.309)
Số dư tại ngày 01/01/2016	<b>400.000.000.000</b>	<b>(140.000.000)</b>	<b>5.086.206.617</b>	<b>26.612.287.289</b>	<b>431.558.493.906</b>
<i>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>					
Số dư tại ngày 01/01/2016	400.000.000.000	(140.000.000)	5.086.206.617	43.118.270.625	448.064.477.242
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	12.765.381.215	12.765.381.215
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.069.033.774	(5.069.033.774)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.069.033.774)	(5.069.033.774)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Điều chỉnh khác	-	140.000.000	-	-	140.000.000
Số dư tại ngày 30/6/2016	<b>400.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.155.240.391</b>	<b>25.745.584.292</b>	<b>435.900.824.683</b>

*Vốn đầu tư và vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 674.374.193.000 VND và 400.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ. Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	30/6/2016		31/12/2015	
	%	VND	%	VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	51,00%	204.000.000.000	51,00%	204.000.000.000
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	17,63%	70.500.000.000	17,63%	70.500.000.000
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất thức ăn Gia súc	5,41%	21.646.000.000	5,41%	21.646.000.000
Các cổ đông khác	25,96%	103.854.000.000	25,96%	103.854.000.000
	<b>100,00%</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>400.000.000.000</b>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

Chỉ tiêu	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
1. Ngoại tệ		
+ USD	3.677	3.684
+ EUR	275	275

19. DOANH THU

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	227.769.949	897.357.138
Doanh thu cung cấp dịch vụ	87.987.813.051	98.242.318.444
	<u>88.215.583.000</u>	<u>99.139.675.582</u>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam - XN Cảng Viconship	17.274.654.556	35.110.478.846

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	218.883.181	575.811.697
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	58.103.696.911	61.106.704.396
	<u>58.322.580.092</u>	<u>61.682.516.093</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.433.591.898	4.035.512.326
Chi phí nhân công	12.805.588.769	18.540.891.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.104.275.125	11.316.654.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.810.783.801	34.852.762.310
Chi phí khác bằng tiền	3.731.499.548	3.756.074.503
	<b><u>67.885.739.141</u></b>	<b><u>72.501.894.365</u></b>

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.015.683.034	7.209.431.014
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.754.075	3.172.244.434
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	990.534.601	851.599.983
	<b><u>8.017.971.710</u></b>	<b><u>11.233.275.431</u></b>

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Lương nhân viên quản lý	3.582.671.294	4.948.036.635
Dịch vụ mua ngoài	1.877.747.697	1.337.656.063
Khác	2.092.946.315	1.746.374.685
	<b><u>7.553.365.306</u></b>	<b><u>8.032.067.383</u></b>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	423.100.377	605.510.982
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	262.823.019	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>685.923.396</u></b>	<b><u>605.510.982</u></b>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>13.451.304.611</b>	<b>17.893.086.139</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	5.256.460.397	5.865.526.513
- Hoàn nhập quỹ lương 2015 chưa chi	5.256.460.397	4.974.277.891
- CLTG chưa thực hiện của các khoản tiền, nợ phải thu	-	891.248.622
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	267.163.309	82.660.000
- CLTG chưa thực hiện của các khoản tiền, nợ phải thu	595.805	-
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	48.000.000	48.000.000
- Chi phí không được trừ khác	218.567.504	34.660.000
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>8.462.007.523</b>	<b>12.110.219.626</b>
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	-	-
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 5%	8.462.007.523	12.110.219.626
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>423.100.377</b>	<b>605.510.982</b>

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>12.765.381.215</b>	<b>17.287.575.157</b>
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.914.807.182)	(2.534.516.887)
<b>Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>10.850.574.033</b>	<b>14.753.058.270</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	40.000.000	40.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>271</b>	<b>369</b>

(\*) Công ty ước tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 dựa trên kế hoạch tài chính năm 2016 đã được phê duyệt. Đồng thời, Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bằng 50% số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày trên báo cáo kỳ trước VND	Số trình bày lại kỳ này VND	Chênh lệch VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	384	369	(15)

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ dự trữ và thặng dư vốn cổ phần).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Các khoản vay	149.958.282.431	159.131.932.431
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	39.489.727.658	60.116.784.072
Nợ thuần	110.468.554.773	99.015.148.359
Vốn chủ sở hữu	435.900.824.683	448.064.477.242
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,25</b>	<b>0,22</b>

Các khoản vay bao gồm các khoản vay dài hạn và vay dài hạn đến hạn trả.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.489.727.658	60.116.784.072
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	83.516.156.041	81.742.368.743
Đầu tư dài hạn khác	30.170.881.338	31.161.415.939
<b>Tổng cộng</b>	<b>153.176.765.037</b>	<b>173.020.568.754</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	168.723.826.179	180.062.731.231
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	66.561.758.917	53.029.434.281
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.041.523.366	1.571.822.958
Công nợ tài chính khác	38.000.000	38.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>240.365.108.462</b>	<b>234.701.988.470</b>

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2016	31/12/2015	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	1.070.526.826	1.166.861.873	-	-
<i>Euro (EUR)</i>	6.793.449	6.723.718	-	-

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ kế toán, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ giảm/tăng 749.791.412 VND (6 tháng năm 2015: 877.059.662 VND).



26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)*

	<u>Tăng/Giảm lãi suất</u>	<u>Ảnh hưởng tới lợi nhuận trước thuế</u> VND
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2016		
VND	+100	(749.791.412)
VND	(100)	749.791.412
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2015		
VND	+100	(877.059.662)
VND	(100)	877.059.662

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

30/6/2016	Dưới 1 năm	Trong năm thứ hai	Trên 2 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.489.727.658	-	-	39.489.727.658
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	83.516.156.041	-	-	83.516.156.041
Đầu tư dài hạn khác	-	-	30.170.881.338	30.170.881.338
<b>Tổng cộng</b>	<b>123.005.883.699</b>	<b>-</b>	<b>30.170.881.338</b>	<b>153.176.765.037</b>

30/6/2016	Dưới 1 năm	Trong năm thứ hai	Trên 2 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ	40.530.510.104	39.718.510.104	88.474.805.971	168.723.826.179
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	66.561.758.917	-	-	66.561.758.917
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.041.523.366	-	-	5.041.523.366
Công nợ tài chính khác	-	-	38.000.000	38.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>112.133.792.387</b>	<b>39.718.510.104</b>	<b>88.512.805.971</b>	<b>240.365.108.462</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>10.872.091.312</b>	<b>(39.718.510.104)</b>	<b>(58.341.924.633)</b>	<b>(87.188.343.425)</b>

31/12/2015	Dưới 1 năm	Trong năm thứ hai	Trên 2 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.116.784.072	-	-	60.116.784.072
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	81.742.368.743	-	-	81.742.368.743
Đầu tư dài hạn khác	-	-	31.161.415.939	31.161.415.939
<b>Tổng cộng</b>	<b>141.859.152.815</b>	<b>-</b>	<b>31.161.415.939</b>	<b>173.020.568.754</b>

31/12/2015	Dưới 1 năm	Trong năm thứ hai	Trên 2 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ	38.386.510.104	36.742.510.104	104.933.711.023	180.062.731.231
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	53.029.434.281	-	-	53.029.434.281
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.571.822.958	-	-	1.571.822.958
Công nợ tài chính khác	-	-	38.000.000	38.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>92.987.767.343</b>	<b>36.742.510.104</b>	<b>104.971.711.023</b>	<b>234.701.988.470</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>48.871.385.472</b>	<b>(36.742.510.104)</b>	<b>(73.810.295.084)</b>	<b>(61.681.419.716)</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 1.019.471.344 VND (cùng kỳ năm 2015 là 3.168.314.091 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

**Danh sách các bên liên quan:**

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất thức ăn Gia súc	Cổ đông
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	Thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Dịch vụ khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Tàu dịch vụ Dầu khí	Thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam - Xí nghiệp Cảng Viconship	Thuộc Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty góp 20,75% vốn điều lệ

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	9.107.231.078	9.220.379.501
Lãi vay đã trả Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	9.195.281.330	8.802.782.376
Gốc vay đã trả Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	16.122.000.000	14.500.000.000
Doanh thu dịch vụ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	21.026.800	-
Mua hàng hóa, dịch vụ PVC Duyên Hải	3.272.728	84.300.000
Chi hộ tiền thuê đất và tiền thuê đất phi nông nghiệp PVC Duyên Hải	513.189.000	278.881.000
Bán hàng Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam - Xí nghiệp Cảng Viconship	17.274.654.556	35.110.478.846

*Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chuyên trách và Ban Giám đốc*

Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.070.303.334	1.900.192.825
--	---------------	---------------

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:*

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền gửi Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	2.299.922.510	2.390.305.510
Cầm cố, ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	15.000.000.000	15.000.000.000
Vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	148.884.282.431	157.151.932.431
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	19.908.953.501	22.162.258.805
Phải thu Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam - Xí nghiệp Cảng Viconship	10.403.809.984	15.850.750.680
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	11.067.961.564	802.541.667
Phải thu PVC Duyên Hải	2.015.402.982	1.781.094.982
Phải thu Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (Thuê mặt bằng đặt cây ATM)	4.234.366	3.515.300

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.



**Lương Quốc Phương**  
**Người lập biểu**

*Ngày 05 tháng 8 năm 2016*



**Đặng Kiến Nghiệp**  
**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Hải Bằng**  
**Giám đốc**

\*\*\*